

# HỆ GIÁ TRỊ VIỆT NAM, TIẾP CẬN TỪ LÝ THUYẾT VÙNG VĂN HÓA, NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP: TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Chí Bền\*

**Tóm tắt:** Hệ giá trị Việt Nam, đã được nhiều nhà nghiên cứu, tiếp cận từ các góc độ khác nhau, dù quan điểm, cách tiếp cận có thể khác nhau, thậm chí rất khác nhau. Với một quốc gia đa dạng về địa lý, về tộc người, trải dài từ Bắc vào Nam, không thể không nhìn nhận vấn đề hệ giá trị Việt Nam từ lý thuyết vùng văn hóa. Trong vùng văn hóa Nam Bộ, tỉnh Bến Tre là một trường hợp có những nét riêng cần nghiên cứu. Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam trên vùng đất ba cù lao: Bảo, Minh và An Hòa vừa mang tính đại đồng, vừa mang tính dị biệt. Truyền thống văn hóa phong phú và đa dạng, người Bến Tre có nét chung của người Nam Bộ vùng đất “đi trước, về sau”, nhưng có nét riêng do vị thế địa-địa lý, địa-lịch sử, địa-chính trị tạo thành, nên người viết chọn tỉnh Bến Tre như một nghiên cứu trường hợp, để minh chứng cho tiếp cận hệ giá trị Việt Nam từ lý thuyết vùng văn hóa

**Từ khóa:** Hệ giá trị Việt Nam, giá trị tinh thần truyền thống, lý thuyết văn hóa vùng, tỉnh Bến Tre.

## Lời mở

Giá trị, giá trị tinh thần truyền thống, hệ giá trị Việt Nam vào thập kỷ thứ ba của công cuộc Đổi mới đất nước đang được đặt ra cả về lý luận và thực tiễn. Thành tựu của các nhà nghiên cứu các thế hệ đã được khẳng định, nhưng không phải không còn vấn đề cần giải quyết. Với một quốc gia đa dạng về địa lý, về tộc người, trải dài từ Bắc vào Nam, không thể không nhìn nhận vấn đề hệ giá trị Việt Nam từ lý thuyết vùng văn hóa. Vùng văn hóa Nam Bộ nói chung, tỉnh Bến Tre nói riêng, với vị thế địa-địa lý, địa-chính trị, địa-lịch sử có những khác biệt nhưng thống nhất với văn hóa cả nước. Bài viết tiếp cận hệ giá trị Việt Nam từ lý thuyết vùng văn hóa, một nghiên cứu trường hợp: tỉnh Bến Tre.

## Hệ giá trị Việt Nam, học hỏi từ các công trình

Nghiên cứu giá trị, giá trị văn hóa, hệ giá trị ở nước ngoài, đã có một số tác giả trong

nước tổng thuật. Người tổng thuật chi tiết, viết đầy đủ, bao quát vấn đề này chính là GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm. So với những kiến giải về thuật ngữ giá trị của GS. Vũ Khiêu trong *Mấy lời giới thiệu* in trong công trình *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam* (1) của GS. Trần Văn Giàu (1911-2010), thì chương 1 trong cuốn sách *Hệ giá trị Việt Nam, từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai* của GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm quả là bao quát được những công trình của các học giả nước ngoài, toàn diện và sâu sắc hơn nhiều, ông đề cập từ lịch sử nghiên cứu, nội hàm khái niệm, phương pháp nghiên cứu của vấn đề giá trị của nước ngoài (2).

Ở trong nước, đã có quá nhiều tác giả, nhiều công trình công bố về giá trị, giá trị văn hóa và hệ giá trị Việt Nam. Nếu tính từ công trình đầu tiên về lịch sử văn hóa Việt Nam: *Việt Nam văn hóa sử cương* của GS. Đào Duy Anh (1904-1988), dù rằng trong công trình này, GS. Đào Duy Anh đưa ra một đoạn văn dài nhận xét “về tính chất tinh thần thì người Việt Nam...”, chứ GS. Đào Duy Anh chưa dùng từ giá trị hay hệ giá trị con người Việt

\* GS.TS. Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

Nam thì có thể tính tiến trình nghiên cứu giá trị, giá trị văn hóa, hệ giá trị Việt Nam từ năm 1938 (3). Năm 1939, GS.TS. Nguyễn Văn Huyền (1908-1975) trong *La Civilisation Annamite*, (cuốn sách mà đến năm 1944 mới ra mắt bạn đọc) (4) tiếp tục đề cập vấn đề này. Khác GS. Đào Duy Anh, GS.TS. Nguyễn Văn Huyền trình bày nhận xét của mình về người Việt Nam trong mục II: *Loại hình tinh thần* của chương 1: *Chủng tộc Việt* của cuốn sách (5).

Mấy chục năm sau, năm 1980, GS. Trần Văn Giàu công bố công trình *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam* (6). Công trình này, quả như GS.TS. Ngô Đức Thịnh đánh giá: “cái mốc đánh dấu việc nghiên cứu giá trị văn hóa Việt Nam” (7). Lần đầu tiên, thuật ngữ “giá trị truyền thống” được xác định. Ông viết những lời sâu sắc, mà tôi nghiệm khó tác giả nào có thể viết hay hơn về “giá trị truyền thống”: “Truyền thống thì có cái tốt cái xấu; nhưng khi chúng ta nói giá trị truyền thống thì ở đây chỉ có cái tốt mà thôi, bởi vì chỉ có những cái gì tốt đều được gọi là giá trị; thậm chí, không phải mỗi cái gì tốt thì mới được gọi là giá trị, mà phải là những cái tốt phổ biến, cơ bản, có nhiều tác dụng tích cực cho đạo đức luân lý, có cả tác dụng hướng dẫn sự nhận định, và hướng dẫn sự hành động, thì mới mang danh là giá trị truyền thống” (8). Năm 1983, hội thảo khoa học đầu tiên về giá trị văn hóa tinh thần của người Việt được Viện Mác-Lê nin và tạp chí Cộng sản tổ chức. Rồi băng đi, những năm đầu của thời kỳ Đổi mới, năm 1993, các nhà nghiên cứu của Viện Văn hóa, Bộ Văn hóa Thông tin, Viện Triết học, Viện Xã hội học và Trường Đại học Tổng hợp đặt vấn đề bảng giá trị Việt Nam, một đề tài nhánh của đề tài cấp nhà nước KX 01-11 *Yếu tố văn hóa trong sự phát triển xã hội ta theo con đường xã hội chủ nghĩa* do PGS.PTS. Lê Quang Thiêm (\*) làm chủ nhiệm (9). Từ năm 1992, Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước *Con người Việt Nam: mục tiêu và động lực của sự phát*

*triển kinh tế xã hội*, mã số KX-07 được triển khai, GS. Phan Huy Lê đã cùng các cộng sự thực hiện đề tài KX-07-02: *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*. Phải nói rằng GS. Phan Huy Lê và các cộng sự đã hoàn thành rất tốt đề tài. Cùng với ba tập của cuốn sách *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay* được xuất bản năm 1994, 1996, 1997 (10), báo cáo tổng kết đề tài gồm 4 chương đã trình bày tổng quát sâu sắc về các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay (vào thời điểm từ năm 1992-1996 - N.C.B).

Năm 1999, GS.TS. Hoàng Vinh trong cuốn sách *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, dành chương 3 của cuốn sách viết về *Giá trị và chuẩn mực xã hội - những yếu tố thực thể của văn hóa* (11). Đến thập niên thứ hai của thế kỷ này, vấn đề giá trị, giá trị văn hóa, hệ giá trị Việt Nam được rất nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu. Có người đề cập trong một tham luận, có người viết trong một bài báo. Có thể kể đến một số công trình, cuốn sách đã xuất bản như cuốn *Sự biến đổi các giá trị văn hóa trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay* (12) do PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc chủ biên, nhưng dành vấn đề này cho một chuyên luận phải kể đến GS.TS. Ngô Đức Thịnh. Năm 2010, ông công bố cuốn sách *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập* (13). Như thế, cả hai tác giả, đều đề cập giá trị văn hóa, mà chưa đề cập hệ giá trị. Thực hiện kế hoạch của Hội đồng lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2011-2015, người đầu tiên hiện thực hóa chủ trương của Hội đồng lý luận Trung ương, chính thức đưa ra khái niệm “hệ giá trị Việt Nam” trong công trình khoa học, phải ghi nhận là GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm với hai cuốn sách: thứ nhất là cuốn *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại* (14) mà ông là chủ biên, thứ hai là cuốn *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống*

đến hiện đại và con đường tới tương lai (15) mà ông là tác giả, tham gia thực hiện: Nguyễn Thị Tuyết Ngân, Nguyễn Thị Thúy Vy.

Cũng cần thấy, năm 1998, hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đã ra nghị quyết *Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc* đã khẳng định: “Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”. Sau 15 năm thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, năm 2014, hội nghị lần thứ 9 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI, đã ra nghị quyết *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* khẳng định “Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”.

Như thế, hơn ba mươi năm, từ năm 1980, GS. Trần Văn Giàu đề cập giá trị tinh thần truyền thống đến năm 1996, GS. Phan Huy Lê đề cập các giá trị truyền thống đến năm 2010, GS. Ngô Đức Thịnh đề cập đến các giá trị văn hóa truyền thống đến năm 2015/2016, GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm đề cập hệ giá trị Việt Nam, vấn đề nghiên cứu đã chuyển từ giá trị tinh thần truyền thống thành hệ giá trị Việt Nam. Biết bao vấn đề học thuật đã được khẳng định qua các công trình ấy mà tác giả bài viết này học được.

### Tiếp cận hệ giá trị Việt Nam từ lý thuyết vùng văn hóa

Trong quá trình hơn 30 năm ấy, nhiều lý thuyết nghiên cứu đã được các nhà khoa học vận dụng để cắt nghĩa, giải mã vấn đề giá trị, giá trị văn hóa, hệ giá trị Việt Nam. Từ nhận thức Việt Nam là một quốc gia có nhiều vùng, tiểu vùng văn hóa khác nhau, chúng tôi nghĩ rằng, nói đến giá trị văn hóa, hệ giá trị, không thể không xem xét vấn đề từ lý thuyết vùng văn hóa.

Từ cuối thế kỷ XIX, việc nghiên cứu văn hóa vùng trên thế giới đặc biệt phát triển. Khởi thủy với những nghiên cứu của nhà địa lý học Friedrich Ratzel (1844-1904) trong quan hệ với thuyết “vòng tròn văn hóa”, nửa đầu thế kỷ XX, trong các nhà nhân loại học ở Mỹ, F. Boas (1858-1942), đã công bố công trình nghiên cứu về các vùng văn hóa của vùng Bắc Mỹ, rồi người học trò của ông: Melville Jean Herskovits (1895-1963), đã đưa ra sơ đồ các vùng văn hóa châu Phi. Lý thuyết này được tiếp tục hoàn thiện và phát triển với Clark Wissles (1870-1947) và Alfred Kroeber (1876-1960). Lý thuyết “vùng văn hóa” của các nhà nhân học Mỹ khẳng định việc lựa chọn những hình thái văn hóa là kết quả những quyết định ngẫu nhiên trong phạm vi những mối liên hệ trực tiếp của chủ thể văn hóa với môi trường tự nhiên bao quanh. Vấn đề đặt ra là môi trường tự nhiên bao quanh các chủ thể văn hóa không phải là một hằng số bất biến, cho nên quan hệ giữa các hình thái văn hóa với môi trường tự nhiên bao quanh, cũng không phải là hằng số bất biến.

Ở Việt Nam, GS.TS. Ngô Đức Thịnh là người truyền bá lý thuyết “vùng văn hóa” một cách sâu sắc nhất. Và ông cũng là người kiên trì nghiên cứu văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam. Sau GS.TS. Ngô Đức Thịnh, hai mươi năm, GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm tiếp tục đề cập đến lý thuyết này

trong công trình *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ* (16) của ông.

Trên thực tiễn, ít nhất tồn tại ba phương án phân vùng văn hóa Việt Nam. GS.TS. Ngô Đức Thịnh trong *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam* (17) chia văn hóa Việt Nam thành 7 vùng văn hóa. GS. Đinh Gia Khánh (1924-2003) và nhà thơ Huy Cận (1919-2005) đồng chủ biên trong cuốn sách *Các vùng văn hóa Việt Nam* chia văn hóa Việt Nam thành 9 vùng văn hóa (18). GS. Trần Quốc Vượng (1934-2005) chủ biên và các cộng sự trong giáo trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (19) chia văn hóa Việt Nam thành 6 vùng văn hóa. Là một tác giả tham gia viết giáo trình do GS. Trần Quốc Vượng chủ biên, tác giả tham luận này đương nhiên là theo quan điểm văn hóa Việt Nam có 6 vùng văn hóa: vùng văn hóa Tây Bắc, vùng văn hóa Việt Bắc, vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ, vùng văn hóa Trường Sơn Tây Nguyên, vùng văn hóa Nam Bộ.

Hệ giá trị Việt Nam, rõ ràng là hệ giá trị quốc gia, nếu quan niệm như một thực thể văn hóa, tồn tại ở các vùng văn hóa khác nhau, sẽ có những biểu hiện khác nhau. Nói cách khác, tiếp cận hệ giá trị, có thể tiếp cận từ lý thuyết vùng văn hóa. Với vùng văn hóa Nam Bộ, GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm, PGS.TS. Phan An, TS. Đinh Thị Dung trong hội thảo của đề tài khoa học cấp nhà nước KX.04.15/11-15 đã đề cập một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam ở đây (20), tuy còn nhiều vấn đề cần trao đổi thêm, nhưng đã khẳng định, hệ giá trị Việt Nam thể hiện ở các vùng văn hóa có khác nhau, nhưng vẫn thống nhất, sự thống nhất trong đa dạng.

### **Tỉnh Bến Tre trong vùng văn hóa Nam Bộ**

Là một tỉnh trong 63 tỉnh, thành phố ở Việt Nam hiện nay, và theo cách phân vùng văn hóa mà có GS. Trần Quốc Vượng chủ biên và các cộng sự đã trình bày trong giáo trình *Cơ*

*sở văn hóa Việt Nam* (21), Bến Tre thuộc vùng văn hóa Nam Bộ: “Trong các vùng văn hóa ở Việt Nam, vùng văn hóa Nam Bộ là vùng có những sắc thái đặc thù khó lẫn, vừa rất riêng; mà vẫn giữ được tính thống nhất của văn hóa Việt Nam” (22). Lâu nay, khi nói vùng văn hóa Nam Bộ, người ta hay chia thành hai vùng: miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ. Bến Tre là tỉnh thuộc miền Tây Nam Bộ. Là tỉnh được tạo thành bởi ba dải cù lao: Bảo, Minh, An Hòa, phía bắc giáp tỉnh Tiền Giang mà ranh giới là sông Cửa Đại, phía tây và nam giáp tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh, mà ranh giới là sông Cổ Chiên, phía đông giáp biển Đông với chiều dài bờ biển 65km, Bến Tre có những nét riêng về địa lý. Thậm chí, có người nhấn mạnh tính chất “đảo” của Bến Tre. Vị thế địa-địa văn hóa của Bến Tre tạo cho Bến Tre có những đặc thù trong vùng văn hóa Nam Bộ có những đặc thù khó lẫn. Nhưng Bến Tre là vùng quê của những nhân vật lịch sử - văn hóa. Đó là nơi nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) lựa chọn làm quê hương sinh sống 27 năm cuối đời, nơi Phan Thanh Giản (1796-1867) đỗ tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ Lục tỉnh chào đời, nơi Trương Vĩnh Ký (1837-1898) sinh ra, lớn lên, người mà theo đánh giá của nhà văn Vũ Ngọc Phan: thiết là một nhà bác học, “Để sang một bên thái độ chính trị của họ, không thể không thừa nhận đó là những con người thông minh, hiểu học, cần mẫn” (23). Đó cũng là nơi sinh ra ba chủ bút của 3 tờ báo buổi đầu trong lịch sử báo chí Việt Nam trước năm 1945: Lương Khắc Ninh (1862-1943) chủ bút tờ *Nông cổ mín đàm*; Sương Nguyệt Anh (1864-1921), tức Nguyễn Thị Xuân Khuê, con gái nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, chủ bút tờ *Nữ giới chung*; Lê Hoàng Mưu (1879-1942) chủ bút tờ *Lục tỉnh tân văn*.

Về lịch sử, tỉnh Bến Tre cũng là nơi của những dân ấp dân lân “mến nghĩa làm quân chiêu mộ” (Nguyễn Đình Chiểu) đứng lên đánh thực dân Pháp khi chúng vào xâm lược

Nam Kỳ lục tỉnh thập niên sáu mươi của thế kỷ XIX, là nơi nổ ra cuộc Đồng Khởi ngày 17-1-1960 long trời lở đất, khi mà chính quyền của viên tổng thống Ngô Đình Diệm lê máy chém khắp miền Nam tàn sát những người yêu nước. Hai một năm kháng chiến chống Mỹ, tỉnh Bến Tre có 34.715 liệt sĩ, 15.132 thương binh, 9.187 người bị nhiễm chất độc hóa học.

Nói đến con người Bến Tre, vị thế địa-địa lý tạo cho họ một tinh thần tự lực tự cường. “Từ thuở mang gươm đi mở nước” (Huỳnh Văn Nghệ), trên ba dải cù lao: Bảo, Minh, An Hóa, hai bên là sông lớn, trước mặt là biển Đông, cuộc đời và thiên nhiên luôn đặt cho con người Bến Tre phải tự giải quyết, phải dựa vào sức mình là chính, tự mở đường, tự đi, không thể ỷ lại, trông chờ!

Có thể còn những phác họa khác về hệ giá trị Việt Nam, Nam Bộ trên đất Bến Tre, nhưng với những phác thảo ấy, có thể thấy tỉnh Bến Tre như một nơi thể hiện đậm nét những nét riêng của vùng văn hóa Nam Bộ. Những nét riêng ấy do đặc điểm xã hội, lịch sử và địa lý của vùng Nam Bộ tạo ra (\*\*). Như thế, xem xét hệ giá trị Việt Nam, không thể không chú ý đến biểu hiện của nó tại các vùng văn hóa, mà vùng văn hóa Nam Bộ là một minh chứng tiêu biểu. Nói hẹp lại, khi xem xét vùng văn hóa Nam Bộ, không thể không thấy hệ giá trị Việt Nam thể hiện ở vùng đất ba cù lao: Bảo, Minh, An Hóa, như một đảo, hai bên là sông lớn, trước mặt là biển khơi. Yêu quê hương, sống nghĩa tình, nhân hậu, sẵn sàng hy sinh vì đất nước, vì nghĩa lớn, luôn tự vượt lên bằng sức lực của chính mình là giá trị Bến Tre phải chăng đó là hệ giá trị Việt Nam thể hiện trong những con người của vùng Nam Bộ.

Năm 2016, Tỉnh ủy Bến Tre đã ban hành chỉ thị 11-CT/TU ngày 8-6-2016 về “tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong việc phát huy các giá trị truyền thống văn hóa và phát

triển toàn diện con người Bến Tre”. Tỉnh ủy Bến Tre khẳng định “Xây dựng con người Bến Tre có tình yêu nước, yêu quê hương, yêu con người, yêu thiên nhiên, yêu lao động; có đạo đức và lối sống tốt; trọng nghĩa, trọng tình, trọng chữ tín; tự tin, tự lập, tự giác; cầu thị, cầu tiến, hướng thiện; trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, có kỹ năng sống, sức khỏe, tinh thần, làm việc tốt”. Năm 2017, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy xuất bản cuốn sách nhỏ, mỏng khổ 10 x 14,5cm, 40 trang in *Tài liệu tuyên truyền Những chuẩn mực văn hóa, đạo đức con người Bến Tre*. Nếu hiểu giá trị tinh thần truyền thống như GS. Trần Văn Giàu, GS. Phan Huy Lê, chuẩn mực văn hóa, đạo đức này càng khó cô đọng, để người dân dễ thuộc, dễ nhớ!

Nhìn ngược về thế kỷ XVII, những lưu dân Việt từ miền Ngũ Quảng vào đây sinh sống mang trong tiềm thức những giá trị của dân tộc, đối mặt với một vùng đất hoang vô chủ, “nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm dặm”, chỉ có “hàng trăm, hàng ngàn con trâu rừng tụ họp thành bầy” (24), để tạo lập cuộc sống cho đến nay, cũng chỉ khoảng 400 năm. Bốn trăm năm, không phải là dài so với lịch sử hàng ngàn năm hệ giá trị dân tộc, hệ giá trị quốc gia hình thành, trao truyền, phát triển. Nhưng, hệ giá trị quốc gia vẫn như một dòng chảy trong những người con xứ dừa Bến Tre, lại có biểu hiện mới do vị thế địa-địa lý, địa-chính trị nơi đây tạo ra. Trong vùng văn hóa Nam Bộ, hệ giá trị Việt Nam, rõ ràng có những đặc thù và trong vùng văn hóa Nam Bộ, tỉnh Bến Tre lại có những đặc thù, như mùi hương lạ của một loài hoa quen thuộc cây trồng nơi đất mới.

#### **Một câu thơ có sức sống hay là một lối sống của người dân xứ dừa**

Ít nhất gần hai trăm năm nay, người dân Bến Tre biết và ghi nhớ nằm lòng câu thơ trong truyện thơ *Lục Vân Tiên* của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), và trở thành tiêu chí đạo đức làm người để giáo dục thế hệ trẻ:

*Trai thời trung hiếu làm đầu*

*Gái thời tiết hạnh là câu trau mình*

Trong nếp nhà ở các xã ấp trên ba cù lao, nếu người bà, người mẹ, người chị ru cháu, con, em bằng câu thơ trên, như một chuẩn mực đạo đức, đạo lý làm người. Nói cách khác, đạo lý làm người của người dân xứ dừa lấy theo chuẩn mực đạo đức mà Nho giáo khẳng định: nam thì trung hiếu, nữ thì tiết hạnh. Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu gửi chuẩn mực đạo đức ấy vào câu thơ trong truyện thơ *Lục Vân Tiên* của mình, khiến một câu thơ đầy sức sống qua lịch sử. Được sáng tác vào những năm 50 của thế kỷ XIX, bản Nôm được Duy Minh Thị phát hành năm 1874, Trương Vĩnh Ký cho xuất bản lần đầu năm 1889, câu thơ ấy lan tỏa và sống trong tâm thức người

dân các làng quê trên đất ba cù lao: Bảo, Minh và An Hóa của tỉnh Bến Tre tận bây giờ.

Tháng 7-2017, tác giả bài viết này, cùng một nhóm nghiên cứu (Phạm Văn Luân, Lê Thị Kim Ngọc, Nguyễn Thành Nam) tại tỉnh Bến Tre thực hiện một cuộc điều tra xã hội học tại địa bàn các huyện Ba Tri, Thạnh Phú và thành phố Bến Tre về văn hóa và con người Bến Tre.

Với 400 phiếu điều tra xã hội học cho người miệt vườn, miệt ruộng, miệt biển, sinh viên trường Cao đẳng Bến Tre, khi được hỏi có biết đến câu thơ trên của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu không, chúng tôi thu nhận được thông tin có tới 82,1% trả lời vẫn biết đến câu thơ này, chỉ có 17,9% không biết đến.

**Bảng 1. Có biết câu thơ trong truyện thơ Lục Vân Tiên**

|           |       | N   | TL %   | TL % có giá trị |
|-----------|-------|-----|--------|-----------------|
| Giá trị   | Có    | 325 | 81,5   | 82,1            |
|           | Không | 71  | 17,8   | 17,9            |
|           | Tổng  | 396 | 99,2   | 100,0           |
| Khuyết TT |       | 3   | , 8    |                 |
| Tổng      |       | 399 | 100, 0 |                 |

Cũng với 400 phiếu mà chúng tôi hỏi “Giáo dục con cái theo gương ai”, kết quả chúng tôi thu được, người được phỏng vấn lại lựa chọn giáo dục con cái theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) cao nhất: 59,99%, mà theo gương nhân vật Lục Vân Tiên lại chỉ có 3,3%.

**Bảng 2. Giáo dục con cái theo gương ai**

|  | Không |       | Có  |       |
|--|-------|-------|-----|-------|
|  | N     | %     | N   | %     |
| Theo gương Lục Vân Tiên                          | 386   | 96,7% | 13  | 3,3%  |
| Theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh                  | 160   | 40,1% | 239 | 59,9% |
| Theo gương những người nổi tiếng                 | 305   | 76,4% | 94  | 23,6% |
| Theo gương những người thành đạt trong cộng đồng | 217   | 54,4% | 182 | 45,6% |
| Khác   | 381   | 95,5% | 18  | 4,5%  |

Trong khi đó, với câu hỏi những người được tôn trọng trong cộng đồng, xếp ưu tiên quan trọng đầu tiên là những người có đạo đức (79,7%) sau đó mới đến người cao tuổi (40,9%), người hiểu biết (25,1%).

**Bảng 3. Những người được tôn trọng**

|                                | Không |       | Có  |       |
|--------------------------------|-------|-------|-----|-------|
|                                | N     | %     | N   | %     |
| Người có đạo đức               | 81    | 20,3% | 318 | 79,7% |
| Người cao tuổi                 | 236   | 59,1% | 163 | 40,9% |
| Người học cao, hiểu biết rộng  | 299   | 74,9% | 100 | 25,1% |
| Người tham gia công tác xã hội | 335   | 84,0% | 64  | 16,0% |
| Người có chức quyền            | 345   | 86,5% | 54  | 13,5% |
| Người giàu có                  | 369   | 92,5% | 30  | 7,5%  |
| Khác                           | 394   | 98,7% | 5   | 1,3%  |

Như thế, “Hệ giá trị xã hội vẫn thiên về các giá trị truyền thống nhiều hơn với việc tôn trọng các giá trị đạo đức hay tuổi tác. Các giá trị liên quan đến của cải hay thu nhập có được lựa chọn song chưa chiếm được ưu thế. Các giá trị tinh thần như hòa thuận, học vấn cao vẫn được người dân lựa chọn áp đảo hơn nhiều so với các lựa chọn về vật chất” (25). Năm tháng đi qua, quan niệm về giá trị có thay đổi. Mẫu người được chọn lựa của người dân Bến Tre có thay đổi rõ ràng. Trong gia đình, lấy tám gương để giáo dục con cái, người dân chọn Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng khi trao đổi về mẫu người được tôn trọng, người dân lựa chọn người có đạo đức (với 79,7% số phiếu). Nói khác đi, câu thơ trong truyện thơ *Nôm Lục Vân Tiên* của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu:

*Trai thời trung hiếu làm đầu*

*Gái thời tiết hạnh là câu trau mình*

vẫn là đạo lý làm người của người dân xứ dừa. Người được tôn trọng, vẫn là người có đạo đức. Mẫu người mà người dân xứ dừa hôm nay lựa chọn để giáo dục con cái là Chủ tịch Hồ Chí Minh của thời đại hôm nay. Nói

cách khác, nhìn từ phương diện lịch sử, người dân xứ dừa đã có sự thay đổi mẫu người, nhưng giá trị cơ bản cần được khẳng định: con người phải sống có đạo đức, mà người tiêu biểu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

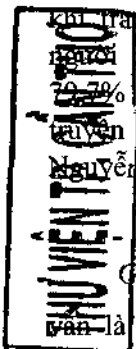
**Từ lối sống của con người một vùng quê đến hệ giá trị quốc gia của đất nước**

Câu thơ của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong truyện thơ *Nôm Lục Vân Tiên* được các thế hệ người Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến nay thuộc, nhớ. Có thể, có ý kiến cho rằng, ấy là quan niệm về đạo đức của Nho giáo mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu “thơ hóa”, nhưng tôi thì tôi nghĩ, câu thơ đã được người dân xứ dừa coi như phẩm chất con người, tiêu chí về lối sống mẫu mực của con người. Cùng câu thơ ấy, câu ca dao:

*Trời sanh cây cứng lá dai*

*Gió lay mặc gió, chiều ai không chiều*

luôn được các bà, các mẹ, các chị hát ru bên cánh võng cho đứa trẻ nhớ, để lớn lên làm theo. Triết lý sống mà đàn ông xứ dừa vẫn nhắc nhở nhau: *Kiến nghĩa bất vi, vô dũng (dũng) dã* (Thấy việc nghĩa không làm, không (là người)



anh dũng); *Nhân phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ* (Người phi nghĩa không giao tiếp, vật phi nghĩa không cầm), không còn là đạo đức mà Nho giáo quảng bá, mà là lối sống thường ngày của con người trải qua mấy trăm năm. Các nhà nho, các trí thức Bến Tre vẫn truyền nhau chùm thơ họa, như một cuộc bút chiến của nhà thơ Phan Văn Trị (1830-1910) với người bạn một thời, nhà nho Tôn Thọ Tường (1825-1877) ra làm quan cho thực dân Pháp khi chúng xâm lược và cai trị Nam Bộ, và dặn nhau giữ gìn tiết tháo của người có chữ như câu thơ của nhà thơ quê Bến Tre:

*Đừng mượn hơi hùm rung nhất khi,*

*Lòng ta sắt đá, há lung lay.*

Là những con người sống trên ba dải cù lao, mà có người ví von, Bến Tre là vùng đất đảo, nhưng cũng chính con người nơi đây, khi cần vượt lên, tìm lối thoát cho mình thì họ sẵn sàng thực hiện. Minh chứng thường được nhắc đến là ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, cán bộ Bến Tre đã dùng thuyền vượt biển ra Hà Nội để báo cáo Bác Hồ và Trung ương, xin vũ khí đánh thực dân Pháp, mà trong bốn người có một phụ nữ: Nguyễn Thị Định (1920-1992), và trong kháng chiến chống Mỹ, Bến Tre cũng là nơi đầu tiên cử người vượt biển ra Bắc xin vũ khí về đánh giặc để mở ra đường Hồ Chí Minh trên biển. Vượt lên số phận, vượt ra khỏi ranh giới sông nước, biển cả, để tồn tại trên ba dải cù lao: Bảo, Minh, An Hóa phải chăng là tính cách của người dân xứ cù lao. Dùng thuật ngữ giá trị tinh thần truyền thống mà các GS Trần Văn Giàu, Phan Huy Lê khẳng định thì chính đây là giá trị tinh thần truyền thống của con người Bến Tre, con người Việt Nam trên đất Bến Tre.

Vấn đề đặt ra, từ lối sống của con người một vùng quê đến giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, đến hệ giá trị Việt Nam luôn có cả hai chiều tác động: nét riêng và nét chung. Giá trị tinh thần truyền thống của dân

tộc thể hiện ở các vùng văn hóa khác nhau, sẽ khác nhau và giá trị tinh thần truyền thống của một vùng quê sẽ làm giàu có giá trị tinh thần truyền thống của cả dân tộc.

### Lời kết

Giá trị, giá trị tinh thần truyền thống, hệ giá trị Việt Nam là vấn đề lớn, đã được các nhà nghiên cứu các thế hệ nước ta nghiên cứu, với những công trình có giá trị, như những cột mốc trên đường nghiên cứu. Áp dụng lý thuyết nghiên cứu văn hóa vùng là một cách tiếp cận để làm rõ thêm. Nghiên cứu trường hợp tinh Bến Tre là một minh chứng cho việc áp dụng lý thuyết ấy, ắt còn nhiều vấn đề mà tham luận này, quá lăm chĩ là một phác thảo./.

Tháng 5/2018

N.C.B

1. Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H, 1980, từ tr. 5-34.

2. Xin xem “chương 1: Giá trị học và giá trị văn hóa” từ tr. 27-129, trong sách *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

3. Xin xem *Việt Nam văn hóa sử cương*: 1938/1951, bản in năm 1992, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 24-25.

4. *Collection de la Direction de L'Instruction Publique de L'Indochine, 1944*, bản dịch tiếng Việt mang tên *Văn minh Việt Nam* của Đỗ Trọng Quang, in trong *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H, tập 2, 1995.

5. Xin xem *Văn minh Việt Nam*, bản tiếng Việt của Đỗ Trọng Quang, in trong *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H, 1995, tập 2, tr. 588-561.

6. Nxb. Khoa học Xã hội, H, 1980.

7. Ngô Đức Thịnh chủ biên, *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, Nxb. Khoa học, H, 2010, tr. 16.



8. Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H, 1980, tr. 50.
9. Xin xem *Nhân cách văn hóa trong bảng giá trị Việt Nam*, Vũ Khắc Liên chủ biên, Nxb. Khoa học Xã hội, H, 1993.
10. Nxb. Khoa học Xã hội, H, tập 1, 1994; tập 2, 1996, chủ biên GS. Phan Huy Lê và GS.TSKH. Vũ Minh Giang; tập 3, 1997 chủ biên GS. Phan Huy Lê và TS. Chung Á.
11. Viện Văn hóa, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H, 1999, tr. 45-64.
12. Nxb. Từ điển Bách Khoa, Viện Văn hóa, H, 2008.
13. Nxb. Khoa học Xã hội, H, 2010.
14. Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2015.
15. Nxb. Văn hóa - văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 2016.
16. Nxb. Văn hóa - văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, 2013.
17. *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H, 1993.
18. *Các vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Văn học, H, 1995.
19. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, H, 1998, tái bản lần thứ 19, 2017.
20. Xin xem Trần Ngọc Thêm chủ biên, *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2015, như bài của PGS.TS. Phan An, từ tr. 480-493, bài của TS. Đinh Thị Dung từ tr.494- 502.
21. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, H, 1998, từ tr. 266-277.
22. *Sđd*, tr. 266.
23. *Địa chí Bến Tre*, Thạch Phương - Đoàn Tử đồng chủ biên, tái bản, Nxb. Khoa học Xã hội, H, 2001, tr. 1017.
24. Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, bản dịch tiếng Việt của Lê Hương, Kỷ nguyên mới xb, S, 1973, tr. 80.
25. Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát xã hội của Nguyễn Tuấn Anh, trong bản thảo của đề tài *Báo cáo tư vấn chiến lược cho Thường vụ Trung ương Bến Tre về xây dựng, phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Bến Tre 2017-2018.

*Ghi chú*

(\*) Chức danh, học vị của tác giả ghi theo năm 2013, tính đến tháng 12/2017 là GS. TS. Lê Quang Thiêm.

(\*\*) Từ năm 1991, trong tiểu luận *Làng Việt Nam Bộ và văn hóa dân gian người Việt trên đồng bằng sông Cửu Long* (tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2/1991) tôi đã trình bày các đặc điểm của làng Việt Nam Bộ, trong đó có làng Việt ở Bến Tre: tuổi đời còn ngắn, hình thức định cư từ giồng xuống trũng, hình thức quần cư làng kéo dài trên diện rộng, làng thiếu chặt kết dính chặt, làng phân cực ở mức độ cao, làng có một nền kinh tế hàng hóa. Các đặc điểm ấy của làng Việt Nam Bộ, tạo ra tính cách người Nam Bộ và giá trị tinh thần truyền thống của người Nam Bộ, trong đó có người Bến Tre, sẽ chịu tác động của các đặc điểm này của làng Việt Nam Bộ. Tiểu luận này đã được công bố ở trong nước và ngoài nước bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Trung (1994, 2007, 2011) - N.C.B.

**Nguyễn Chí Bền: Vietnam's value system - an approach from the theory of region of culture: a case study of Bến Tre province**

The value system of Vietnam has been studied from different approaches, perspectives and points of view. In a country of diverse geography, ethnicity, stretching from the North to the South, it is a must to study Vietnam's value system from the theory of region of culture. In the region of the Southern culture, Bến Tre province is a case with its own characteristics to be studied. The process and Vietnam's culture history on the three islets including Bảo, Minh and An Hóa, which are both universal and distinctive. Ben Tre people possess the rich and varied cultural traditions and share common features of the inhabitants in the South of Vietnam in which "the war began earlier and ended later" than in other regions in the country. However, they have their own characteristics because of geographical, geo-historical, geo-political differences. The writer selected Ben Tre province as a case study to demonstrate the approach to Viet Nam's value system from the theory of region of culture.

**Key words:** Vietnam's value system, traditional spiritual values, theory of region of culture, Bến Tre province.